

Số: 02/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**VỀ MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ
DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 1252/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết về mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 246/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Áp dụng đối với các trường hợp giao, cho thuê đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng dịch vụ thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện giao, cho thuê đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức thu phí

a) Trường hợp giao, cho thuê đất

Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư: Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận huyện tổ chức thu.

Trường hợp giao, cho thuê đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu.

b) Trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thu.

3. Mức thu phí: theo Phụ lục đính kèm.

4. Đối tượng miễn thu phí

Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố được căn cứ theo quy định tại Quyết định 36/2021/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Kế khai, thu, nộp, quyết toán phí và quản lý, sử dụng kinh phí

1. Kế khai, thu, nộp và quyết toán phí

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện phải thực hiện nộp phí trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thẩm định về mức phí phải nộp;

b) Phí được nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho Bạc Nhà nước;

c) Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước;

d) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Tỷ lệ trích để lại

Tổ chức thu phí được để lại đơn vị 85% số phí thu được để trang trải cho các hoạt động thu phí, nộp ngân sách 15%. Việc quản lý và sử dụng số tiền phí để lại thực hiện theo quy định tại Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí và các quy định hiện hành.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Sử dụng từ nguồn thu phí được để lại cho tổ chức thu phí theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

a) Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật; đảm bảo thu đúng, thu đủ, công khai, minh bạch và kịp thời;

b) Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của người dân trong thực hiện thu phí;

c) Tiếp tục tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu phí để lại cho đơn vị thu đảm bảo sử dụng hiệu quả, đúng mục đích;

d) Trường hợp chính sách Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2023. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Thường trực Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND TP.HCM: CVP, PVP;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành TP.HCM;
- Thường trực HĐND thành phố Thủ Đức, huyện;
- UBND, UBMTTQVN thành phố Thủ Đức, quận, huyện;
- Lưu: VT, (BKTNS-Tr).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ



PHỤ LỤC

MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

I. Trường hợp giao đất, cho thuê đất

Số TT	Qui mô diện tích (m ²)	Mức thu (đồng/hồ sơ)	
		Tại quận	Tại huyện
I	Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		
1	Nhỏ hơn 500m ²	50.000	25.000
2	Từ 500m ² trở lên	500.000	250.000
II	Đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo		
1	Nhỏ hơn 10.000m ²	2.000.000	
2	Từ 10.000m ² đến dưới 100.000m ²	3.000.000	
3	Từ 100.000m ² trở lên	5.000.000	

II. Trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất

Đơn vị: Đồng/Đơn vị tính

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Loại hình: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở xã, thị trấn		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	420.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	420.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	675.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	65.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	65.000
	Hồ sơ Đất + Tài sản	Thửa	105.000
II	Loại hình: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đồng loạt đối với hộ gia đình, cá nhân ở phường		

1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	850.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	850.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	1.400.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	60.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	100.000
III	Loại hình: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đơn lẻ, từng hộ gia đình, cá nhân		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
***	<i>Áp dụng cho khu vực 5 Huyện</i>		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.600.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	1.700.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	2.400.000
***	<i>Áp dụng cho các Quận và TP Thủ Đức</i>		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.800.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	1.900.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	2.650.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa (Toàn Thành phố)		
	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	30.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	80.000
IV	Loại hình: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với đất tổ chức		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
***	<i>Áp dụng cho khu vực 5 Huyện</i>		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.850.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	2.000.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	2.650.000
***	<i>Áp dụng cho các Quận và TP Thủ Đức</i>		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.950.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	2.150.000

	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	2.800.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa (Toàn Thành phố)		
	Hồ sơ Đất	Thửa	75.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	30.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	90.000
V	Loại hình: Đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt tại xã, thị trấn		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	400.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	400.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	500.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	60.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	80.000
VI	Loại hình: Đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận đồng loạt tại phường		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	460.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	460.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	600.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	60.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	75.000
VII	Loại hình: Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ đối với hộ gia đình, cá nhân		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	500.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	500.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	650.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		

	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	20.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	95.000
VIII	Loại hình: Đăng ký, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận riêng lẻ đối với tổ chức		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	800.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	800.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	1.000.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	60.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	20.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	95.000
IX	Loại hình: Đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	810.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	950.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	1.200.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	50.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	70.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	120.000
X	Loại hình: Đăng ký biến động mà không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân		
X.1	Các loại hình đăng ký biến động gồm: 1. Chuyển đổi quyền sử dụng đất; 2. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; 3. Thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; 4. Tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; 5. Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn		

	liên với đất; 6. Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 7. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp; 8. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai; 9. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; 10. Chuyển quyền sử dụng cả thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cơ quan thi hành án; 11. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả đấu giá đất; 12. Chuyển đổi hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thành tổ chức kinh tế của hộ gia đình cá nhân đó mà không thuộc trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; 13. Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; 14. Gia hạn sử dụng đất (kể cả trường hợp tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; 15. Chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang hình thức thuê đất trả tiền một lần hoặc chuyển từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sang hình thức giao đất có thu tiền hay thuê đất; 16. Thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên GCN hoặc đã thể hiện trong cơ sở dữ liệu; 17. Ghi nợ và xóa nợ về nghĩa vụ tài chính.		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	600.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	710.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	900.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	20.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	20.000

	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	40.000
X.2	Các loại hình đăng ký biến động gồm: 1. Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; 2. Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 3. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại đất tài sản gắn liền với đất; 4. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, nhân thân hoặc địa chỉ; 5. Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề; 6. Có thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 7. Phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính và trên GCN.		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	550.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	650.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	805.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa (tính giống mục X.3)		
X.3	Các loại hình đăng ký biến động gồm: 1. Trường hợp đo đạc lại thửa đất mà có thay đổi diện tích, số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; 2. Thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 3. Thu hồi quyền sử dụng đất.		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	160.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	160.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	200.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	1.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	7.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	10.000
XI	Loại hình: Đăng ký biến động đất đai đối với		

	tổ chức - trường hợp cấp mới giấy chứng nhận		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.600.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	1.600.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	2.050.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	50.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	30.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	65.000
XII	Loại hình: Đăng ký biến động đất đai đối với tổ chức - trường hợp không thực hiện cấp mới giấy chứng nhận		
XII.1	Các loại hình đăng ký biến động gồm: 1. Trường hợp đo đạc lại thửa đất mà có thay đổi diện tích, số hiệu thửa đất, số hiệu tờ bản đồ; 2. Thay đổi tên đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; 3. Thu hồi quyền sử dụng đất.		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		
	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	225.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	225.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	250.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	4.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	4.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	4.000
XII.2	Các loại hình đăng ký biến động gồm: 1. Thay đổi diện tích do sạt lở tự nhiên một phần thửa đất; 2. Cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất (trừ trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế), tài sản gắn liền với đất; 3. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại đất tài sản gắn liền với đất;		

	4. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; 5. Góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 6. Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 7. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận xử lý nợ thế chấp; 8. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai; 9. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; 10. Chuyển quyền sử dụng cả thửa đất, tài sản gắn liền với đất theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của cơ quan thi hành án; 11. Chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo kết quả đấu giá đất; 12. Trường hợp chuyển đổi công ty; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; 13. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đổi tên, thay đổi thông tin về giấy tờ pháp nhân, nhân thân hoặc địa chỉ; 14. Chủ đầu tư xây dựng nhà chung cư bán căn hộ và làm thủ tục đăng ký biến động đợt đầu; 15. Xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề; 16. Chuyển mục đích sử dụng toàn bộ thửa đất; 17. Gia hạn sử dụng đất; 18. Chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang hình thức thuê đất trả tiền một lần hoặc chuyển từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sang hình thức giao đất có thu tiền hay thuê đất; 19. Thay đổi thông tin về tài sản gắn liền với đất đã ghi trên GCN hoặc đã thể hiện trong cơ sở dữ liệu; 20. Có thay đổi đối với những hạn chế về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; 21. Phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính và trên GCN;		
1	Công việc thực hiện theo Hồ sơ		

	Hồ sơ Đất	Hồ sơ	1.400.000
	Hồ sơ Tài sản	Hồ sơ	1.400.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Hồ sơ	1.800.000
2	Công việc thực hiện theo Thửa		
	Hồ sơ Đất	Thửa	20.000
	Hồ sơ Tài sản	Thửa	10.000
	Hồ sơ Đất và tài sản gắn liền với đất	Thửa	25.000
XIII	Mức thu cho công việc phục vụ thẩm định		
1	In giấy chứng nhận		
	Đăng ký đồng loạt	GCN	20.000
	Đăng ký đơn lẻ	GCN	30.000
2	Quét trang A3		
	Đăng ký đồng loạt	Trang	4.000
	Đăng ký đơn lẻ	Trang	5.000
3	Quét trang A4		
	Đăng ký đồng loạt	Trang	3.000
	Đăng ký đơn lẻ	Trang	4.000
XIV	Chỉnh lý hồ sơ lưu trữ	Tờ A4	2.000

Ghi chú:

1. Tổng mức thu phí cho 01 trường hợp đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bao gồm chi tiết 05 mức thu công việc thực hiện theo hồ sơ; theo thửa; theo giấy chứng nhận; theo trang A3, A4 và theo tờ.
2. Mức thu theo các loại hình (từ mục I đến mục XII) chưa bao gồm mức thu cho công việc phục vụ thẩm định và chỉnh lý hồ sơ lưu trữ (mục XIII và mục XIV).